

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-PT
Ngày 25 – 01 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 491/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện huyện Đầm Dơi, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 336/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành S là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Luật sống thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C

2. Ông Sử Văn H1, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp cho ông H1: Anh Sử Quốc T3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2023, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1: Ông Trần Dân Q là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1953 (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị H2 (vắng mặt).
3. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1960 (vắng mặt).
4. Anh Sử Quốc T3, sinh năm 1978 (có mặt).
5. Chị Cao Quế H4, sinh năm 1988 (có mặt).
6. Chị Sử Thúy N2, sinh ngày 17/3/2005 (vắng mặt).
7. Cháu Sử Thúy D, sinh năm 2008 (vắng mặt).
8. Cháu Sử Thúy N3, sinh năm 2020 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Duy và cháu Nguyên: Anh Sử Quốc T3, sinh năm 1978 và chị Cao Quế H4, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt).

9. Bà Võ Thị B, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C

10. Ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Minh T) (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- 10.1. Bà Trần Thị Minh X, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6/10, Quốc lộ 1, khóm 1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- 10.2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm Thị Đội, khóm 5, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Khoảng năm 1953, mẹ ông là cụ Lâm Thị Bông (đã chết năm 2006) được ông bà cho phần đất khoảng 28 công tầm 3m, tọa lạc ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Năm 1976, mẹ ông chia đất các con làm ruộng. Đến năm 2001 chuyển sang nuôi tôm thì mẹ ông mới chia đất và cắt ranh cho các con gồm: Chị thứ 3 là bà Nguyễn Thị N1 diện tích 7.776m², có vị trí: Phía đông giáp Nguyễn Văn Tèo, phía tây giáp đất của ông T1, phía nam và bắc giáp ông Nguyễn Văn T2; anh thứ 5 là ông Nguyễn Văn T2 diện tích 14.256m², có vị trí: Phía đông giáp Trần Văn Chiến, phía tây giáp Nguyễn Văn Quang, phía nam giáp đất của ông T1 và đất bà N1, phía bắc giáp Kinh Mười Lễ; cho ông diện tích 19.000m², có vị trí: Phía đông giáp đất bà N1, phía tây giáp đất Nguyễn Văn Đức, phía nam giáp Kinh Cựa Gà, phía bắc giáp Nguyễn Văn T2.

Sau khi xác định phần đất của mỗi người thì các anh em ông cùng đo đất để chia. Do tin tưởng chồng bà N1 là ông Sử Văn H1 chỉ ranh đất, nên ông đo cho bà

N1 nhiều hơn diện tích đất được cho khoảng 4.147,2m². Sau khi phát việc đo dư đất cho bà N1, ông đòi ông H1 đất sử dụng dư của ông thì ông H1 hăm dọa, đòi đánh, chém ông nên ông nhường nhịn và tìm cách hòa giải trong gia đình. Sau thời gian dài ông H1, bà N1 không trả lại đất cho ông nên ông đã yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đàm Dơi hòa giải nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu công nhận phần đất có diện tích khoảng 4.147,2m² (ngang khoảng 42m; dài 98,74m) là của ông. Buộc bà N1, ông H1 phải trả cho ông phần đất diện tích 4.147,2m² có tứ cận: Phía đông giáp đất của ông T1, phía tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đức, phía nam giáp ông Sử Văn H1, phía bắc giáp đất của ông T1.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Bà không đồng ý yêu cầu của ông T1 với lý do, phần đất của bà được mẹ là bà Lâm Thị Bông cho phần đất khoảng 8 công tầm lớn. Sau đó, bà Bông cho bà thêm 01 công để làm đám mả. Khi chuyển dịch sang nuôi tôm, bà có khoan phá bờ công với diện tích ao, địa nên diện tích đất nhiều như hiện nay. Phần đất được cho, vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 với diện tích 13.500m².

- *Bị đơn ông Sử Văn H1 trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của bà N1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Năm 1995, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 19.970m², nguồn gốc đất của ông do mẹ ông là bà Bông cho. Ngoài ra, ông có mua thêm 02 công của người khác. Thời điểm này, bà N1 cũng được mẹ cho đất và cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại, bà Bông sử dụng cùng vợ chồng ông T1. Khi cho không có đo đạc mà cho 01 dây đất. Khi nhà nước cấp giấy bao nhiêu thì xác định diện tích theo giấy chứng nhận được cấp. Sau đó ông có xin bà Bông thêm 01 công để làm vườn, bà Bông cắt 01 công của ông H1 cho ông, sau đó bà Bông cắt 01 công của bà Bông đổi cho ông H1.

Khi trồng lúa, ông có nhà và đất vườn ở mặt tiền, còn đất trồng lúa ở phía hậu; ông H1 có nhà và đất vườn ở mặt tiền, đất sản xuất nằm phía sau nhà của ông; còn lại là đất sản xuất của bà Bông ở giữa, giáp với đất của ông ở phần hậu và giáp với đất vườn của ông và ông H1 ở phần mặt tiền. Bà Bông đất không giáp mặt tiền.

Đến khoảng năm 1999 - 2000 thì chuyển dịch sang nuôi tôm, do các phần đất của ông, ông H1 và bà Bông không liền nhau và không giáp mặt tiền, không thể canh tác nuôi tôm nên mẹ ông có họp các anh em ông và thống nhất đổi đất với nhau như hiện trạng sử dụng. Hiện nay, ông đang sử dụng phần đất đứng tên ông và ông H1; ông H1 sử dụng phần đất đứng tên ông và bà Bông; bà Bông (ông T1) sử dụng phần đất đứng tên ông, ông H1 và bà Bông. Sau khi đo đổi đất xong thì ông, ông H1 và bà Bông đã phân bờ ranh riêng và sử dụng đến nay. Khi bà Bông chết, ông T1 sử dụng phần đất của bà Bông.

Từ khi được cho đất, hoán đổi đất, ông H1, ông T1 sử dụng phần đất theo diện tích hoán đổi với nhau không có tranh chấp. Khoảng 4 - 5 năm gần đây, ông

T1 có nói ông H1 sử dụng đất dư so với diện tích bà Bông cho trước đây và có yêu cầu ông H1 trả đất.

Từ khi đổi đất đến khi bà Bông mất thì bà Bông không có họp gia đình hay tổ chức cho đất các con thêm lần nào nữa. Tờ phân chia đất đai cho các con năm 2007, ông không biết và cũng không nghe nói.

Việc đổi đất là do bà Bông, ông và ông H1 tự thỏa thuận với nhau và hiện nay đã sử dụng ổn định. Ông và các anh em sẽ tự thỏa thuận việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Bà là con ruột của bà Lâm Thị Bông, bà Bông mất ngày 19/12/2006 âm lịch, bà có gia đình và ở riêng trước năm 2006, việc cụ Bông cho đất ông T1, bà N1, ông T2 bà không biết, bà không được cha mẹ cho đất. Đối với nội dung tranh chấp bà cũng không nắm rõ, bà không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà là con ruột của bà Bông. Việc bà Bông phân chia đất cho bà N1, ông T2, ông T1 bà không biết rõ, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sử Quốc T3 và chị Cao Quế H4 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà N1, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sử Thúy N2 trình bày: Thống nhất với ý kiến của anh T3, chị H4.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh T là bà Trần Thị Minh X và ông Nguyễn Trường G trình bày: Ông bà không có ý kiến, cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:258/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T1 về việc yêu cầu ông Sử Văn H1, bà Nguyễn Thị N1 trả phần đất diện tích 3.644,1m², tọa lạc ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có tứ cận kèm theo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2023, ông Nguyễn Minh T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận:* Bà Bông chỉ cho ông H1, bà N1 7.776m² nhưng hiện nay ông H1, bà N1 sử dụng nhiều hơn diện tích đất đã cho. Phần đất hoán đổi vẫn chưa đăng ký sang tên ông H1, bà N1. Do đó, ông T1 yêu cầu đòi đất là có cơ sở.

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T1 tranh luận:* Không tranh luận.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận:* Phần đất tranh chấp vẫn đứng tên của bà Bông; trong khi bà Bông có nhiều người thừa kế nên ông T1 không có quyền kiện đòi đất tranh chấp. Các đương sự đã đổi đất đến nay đã trên 20 năm. Khi bà Bông còn sống không có kiện về việc đổi đất. Văn bản phân chia đất được lập sau khi bà Bông chết. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận:* Hiện nay, ông T1 sử dụng phần đất hơn 17.000m² là nhiều hơn phần đất được cho.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Quế H4 tranh luận:* Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Minh T1 kháng cáo cho rằng: Trước đây, mẹ ông là bà Lâm Thị Bông chỉ có phần đất 06 công tương đương 7.776m², nhưng khi đo đạc đổi vị trí đất thì ông H1 chỉ ranh đo lớn hơn nên ông T1 yêu cầu trả lại phần đất dư. Hiện nay, phần đất tranh chấp còn đứng tên mẹ ông là bà Lâm Thị Bông chưa chuyển tên cho ông H1 nên việc đòi đất của ông là có cơ sở. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 3.644,1m² thuộc thửa 504, 505 tờ bản đồ số 02 thành lập năm 2012, tọa lạc tại ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do bà Lâm Thị Bông, ông Nguyễn Văn T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2023, ông Nguyễn Văn T2 là anh của ông T1 trình bày: Năm 1995, bà N1 (vợ ông H1) được mẹ ông là bà Lâm Thị Bông cho một phần đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cho đất không có đo đạc mà cho một dây đất, khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì xác định diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1995, ông Sử Văn H1 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 13.500m² (Bút lục số 148). Thực tế, ông H1 đang sử dụng phần đất diện tích 11.420,1m² nên ông T1 lấy lý do diện tích đất thực tế dư so diện tích đất được cho là không có cơ sở.

[3] Ông Nguyễn Minh T1 lấy lý do phần đất vẫn còn đứng tên bà Bông để đòi lại đất là không có cơ sở. Do việc đổi đất đã diễn ra vào khoảng năm 1999 xuất phát từ nhu cầu thực tế là khi chuyển dịch sang nuôi tôm thì phải liền canh, có mặt tiền để có đường xỏ nước, các bên đổi đất cũng đã sử dụng ổn định lâu dài và đã có ranh giới rõ ràng nên mặc dù việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa các bên không tuân thủ hình thức nhưng đã chuyển giao đất cho nhau sử dụng vẫn có hiệu lực. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2023, ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Đến khoảng năm 1999 - 2000, khi chuyển dịch sang nuôi tôm, các phần đất của ông, ông H1 và bà Bông không liền nhau, không giáp mặt tiền, không thể canh tác nuôi tôm nên bà Bông đã họp các anh em của ông lại đổi đất và việc đổi đất như hiện trạng sử dụng hiện nay. Sau khi đổi đất xong thì ông, ông H1, bà Bông sử dụng đến khi bà Bông mất thì chuyển cho ông T1. Như vậy, phần đất tranh chấp vẫn thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Bông. Ông T1 chỉ là một trong những người thuộc hàng thừa kế phần đất của bà Bông để lại nên việc kiện đòi phần đất đã đổi trước giữa bà Bông và ông H1 là không có cơ sở.

[4] Ông Nguyễn Minh T1 cung cấp Tờ phân chia đất đai cho các con có chữ ký tên “Bong” được lập ngày 20 tháng 8 năm 2007 nhưng được áp xác nhận vào ngày 25 tháng 01 năm 2006. Trong khi bà Bông chết ngày 20 tháng 02 năm 2007 là hoàn toàn mâu thuẫn vì Tờ phân chia đất đai cho các con đã được làm sau khi bà Bông chết. Ông Nguyễn Văn T2 xác nhận tại tại Biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi: Từ khi đổi đất đến khi bà Bông mất không có họp gia đình hay tổ chức đổi đất cho con lần nào nữa. Đối với tờ phân chia đất đai năm 2007, ông không biết và cũng không nghe nói. Như vậy, nguyên đơn cho rằng, bà Bông có làm tờ chia đất là không có chứng cứ, chứng minh. Hơn nữa, bà Bông đã cho bà N1, ông T2 đất canh tác vào năm 1995 và đã tiến hành chuyển đổi quyền sử dụng đất vào năm 1999 - 2000 thì bà Bông không có quyền phân chia toàn bộ phần đất. Vì bà Bông cho một phần đất cho bà N1, ông T2 và đổi đất canh tác ổn định.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 258/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 đã trên 60 tuổi, có yêu cầu được miễn nộp án phí nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T1 về việc yêu cầu ông Sử Văn H1, bà Nguyễn Thị N1 trả phần đất diện tích 3.644,1m², tọa lạc tại ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp Nguyễn Minh T1, cạnh M6M7 dài 18,95m; cạnh M7 đo về cạnh M8 (gọi là cạnh M7M7') dài 68,59m.

- Hướng tây giáp Nguyễn Văn Đức, cạnh M5M4 dài 21,55m; cạnh M4 đo về cạnh M3 (gọi là cạnh M4M4') dài 64,71m.

- Hướng nam giáp phần đất còn lại của ông Sử Văn H1, cạnh M4'M7' dài 41,73m.

- Hướng bắc giáp Nguyễn Minh T1, cạnh M5M6 dài 42,37m.

(kèm theo mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 04/5/2023).

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 7.615.000 đồng, đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 được miễn nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung